

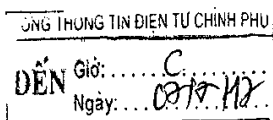
TM

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 961 /QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 06 tháng 7 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH
Về việc tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ



THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thi đua, Khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng, Nghị định số 39/2012/NĐ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP của Chính phủ và Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2014 quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2013;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 3808/TTr-BKHĐT ngày 09 tháng 5 năm 2017 và Trưởng ban Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương tại Tờ trình số 1045/TTr-BTĐKT ngày 16 tháng 6 năm 2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ cho 01 tập thể và 29 cá nhân thuộc Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, đã có thành tích trong công tác từ năm 2012 đến năm 2016, góp phần vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Trưởng ban Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương và các tập thể và cá nhân có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

Nơi nhận:

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Ban Thi đua - Khen thưởng TW;
- VPCP: BTCN, PCN Nguyễn Sỹ Hiệp;
TGD Công TTĐT;
- Lưu: Văn thư, TCCV (2b). LHN, 6 b.

KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG



Trương Hòa Bình

DANH SÁCH
TẬP THỂ VÀ CÁ NHÂN ĐƯỢC TẶNG
BẰNG KHEN CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ
(Kèm theo Quyết định số 961/QĐ-TTg ngày 06 tháng 7 năm 2017
của Thủ tướng Chính phủ)

1. Cục Thống kê tỉnh Quảng Ninh, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
2. Ông Ngô Thanh Yên, Phó Trưởng phòng Phòng Thống kê Tổng hợp, Cục Thống kê Thành phố Hồ Chí Minh, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
3. Ông Trịnh Văn Quân, Phó Trưởng phòng Phòng Tổ chức - Hành chính, Cục Thống kê tỉnh Hà Nam, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
4. Ông Phan Quốc Hùng, Phó Cục trưởng Cục Thống kê tỉnh Kon Tum, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
5. Bà Trần Thị Hoàng Vân, Phó Trưởng phòng phụ trách, Phòng Thanh tra Thống kê, Cục Thống kê tỉnh Kon Tum, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
6. Ông Đỗ Minh Thư, Chi cục trưởng Chi cục Thống kê huyện Kon Plông, Cục Thống kê tỉnh Kon Tum, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
7. Bà Nguyễn Thị Thu Ba, Chi cục trưởng Chi cục Thống kê thị xã Quảng Yên, Cục Thống kê tỉnh Quảng Ninh, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
8. Bà Nguyễn Thị Minh Tuyết, Trưởng phòng Phòng Thống kê Thương mại, Cục Thống kê tỉnh Sơn La, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
9. Bà Phạm Thị Huệ, Trưởng phòng Phòng Thống kê Công nghiệp, Cục Thống kê tỉnh Lào Cai, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
10. Ông Vũ Văn Hồng, Cục trưởng Cục Thống kê tỉnh Hà Giang, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
11. Bà Lê Thị Vân Anh, Phó Cục trưởng Cục Thống kê tỉnh Lạng Sơn, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
12. Ông Trần Đức Bình, Phó Trưởng phòng Phòng Thống kê Tổng hợp, Cục Thống kê tỉnh Thanh Hóa, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
13. Ông Nguyễn Văn Bốn, Trưởng phòng Phòng Thống kê Nông nghiệp, Cục Thống kê tỉnh Nghệ An, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
14. Ông Hoàng Thanh Tùng, Chi cục trưởng Chi cục Thống kê thị xã Ba Đồn, Cục Thống kê tỉnh Quảng Bình, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

15. Ông Đặng Văn Hóa, Chi cục trưởng Chi cục Thống kê thành phố Đồng Hới, Cục Thống kê tỉnh Quảng Bình, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
16. Ông Nguyễn Trung Tiến, Cục trưởng Cục Thống kê tỉnh Thừa Thiên Huế, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
17. Ông Phan Phước, Trưởng phòng Phòng Thống kê Tổng hợp, Cục Thống kê tỉnh Thừa Thiên Huế, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
18. Bà Lê Thị Nga, Phó Trưởng phòng Phòng Tổ chức - Hành chính, Cục Thống kê tỉnh Quảng Ngãi, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
19. Ông Tạ Thành Nhân, Cục trưởng Cục Thống kê tỉnh Bình Định, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
20. Ông Huỳnh Xuân Thắng, Chi cục trưởng Chi cục Thống kê huyện Hoài Nhơn, Cục Thống kê tỉnh Bình Định, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
21. Ông Lưu Sinh Hồ, Thống kê viên Chi cục Thống kê thị xã An Nhơn, Cục Thống kê tỉnh Bình Định, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
22. Ông Trần Quang Minh, Cục trưởng Cục Thống kê tỉnh Phú Yên, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
23. Bà Trần Thị Thu Hường, Quyền Chi cục trưởng Chi cục Thống kê huyện Đức Hòa, Cục Thống kê tỉnh Long An, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
24. Bà Lê Thị Kim Loan, Trưởng phòng Phòng Thống kê Thương mại, Cục Thống kê tỉnh Bến Tre, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
25. Ông Nguyễn Minh Triết, Phó Trưởng phòng Phòng Tổ chức - Hành chính, Cục Thống kê tỉnh An Giang, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
26. Ông Nguyễn Hoàng Non, Trưởng phòng Phòng Thống kê Dân số - Văn xã, Cục Thống kê tỉnh Cà Mau, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
27. Bà Huỳnh Thị Kim Oanh, Trưởng phòng Phòng Thống kê Công nghiệp, Cục Thống kê tỉnh Bình Dương, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
28. Ông Võ Thanh Tú, Chi cục trưởng Chi cục Thống kê thị xã Tân Uyên, Cục Thống kê tỉnh Bình Dương, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
29. Bà Lê Thị Huyền, Kế toán Phòng Tổ chức - Hành chính, Cục Thống kê tỉnh Bình Phước, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
30. Ông Nguyễn Đình Bửu Quang, Cục trưởng Cục Thống kê tỉnh Tây Ninh, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư./.